

Số: 02/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Vinh

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-KĐCL ngày 09/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-KĐCL ngày 19/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Vinh, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXI ngày 11-12/02/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Vinh cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Vinh.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 02 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4,23	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4,11
Tiêu chuẩn 1	4,60	Tiêu chuẩn 13	4,00
Tiêu chuẩn 2	4,25	Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 3	4,25	Tiêu chuẩn 15	4,40
Tiêu chuẩn 4	4,25	Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 5	4,00	Tiêu chuẩn 17	4,25
Tiêu chuẩn 6	4,29	Tiêu chuẩn 18	4,50
Tiêu chuẩn 7	4,20	Tiêu chuẩn 19	4,00
Tiêu chuẩn 8	4,00	Tiêu chuẩn 20	4,00
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,00	Tiêu chuẩn 21	4,25
Tiêu chuẩn 9	4,00	Mục 4. Kết quả hoạt động	4,15
Tiêu chuẩn 10	4,25	Tiêu chuẩn 22	4,25
Tiêu chuẩn 11	3,75	Tiêu chuẩn 23	4,33
Tiêu chuẩn 12	4,00	Tiêu chuẩn 24	4,00
		Tiêu chuẩn 25	4,00

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

*(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 02 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh giai đoạn 2017-2021 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hoá được điều chỉnh, cập nhật, có tính ổn định, kế thừa và phát triển, hiện đại gồm đầy đủ định hướng đào tạo, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo; xác định trách nhiệm quốc gia đối với việc dẫn dắt trong khu vực bắc miền Trung. Hệ thống quản trị hoàn chỉnh theo quy định với đầy đủ bộ máy, công cụ và nhân sự, được rà soát, kiện toàn và cập nhật, đáp ứng tốt các yêu cầu của công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và yêu cầu phát triển của Trường. Cơ cấu quản lý rõ ràng phù hợp với quy định của pháp luật, được rà soát, đáp ứng yêu cầu phát triển qua các giai đoạn. Chiến lược phát triển tương đối toàn diện các lĩnh vực; các KPIs được xác lập phù hợp với Kế hoạch chiến lược, chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Nội dung các chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học được điều chỉnh phù hợp với các chủ trương của Đảng, Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường. Công tác quy hoạch nguồn nhân lực phù hợp với Chiến lược phát triển của Trường và nhu cầu nguồn nhân lực của các đơn vị. Chất lượng đội ngũ khá cao, hài hòa về cơ cấu độ tuổi, cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tình hình tài chính có phát triển và ổn định, cơ bản đảm bảo nguồn lực cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị công nghệ thông tin, các nguồn học liệu được đầu tư, được giám sát, đánh giá hiệu quả. Mạng lưới phát triển các đối tác, quan hệ đối ngoại tương đối đa dạng, số lượng các đối tác, mạng lưới quan hệ đối ngoại được mở rộng. Các chính sách, kế hoạch đối ngoại được triển khai, giám sát và được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Trường.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được cải tiến để hướng đến đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược. Cơ cấu, chức năng của hệ thống đảm bảo chất lượng cơ bản được phân định rõ ràng. Chiến lược đảm bảo chất lượng và các chính sách và ưu tiên trong đảm bảo chất lượng hướng đến thực hiện mục tiêu chiến lược qua các giai đoạn phát triển, được chuyển tải thành các kế hoạch và thực hiện. Hệ thống các quy trình, quy định đảm bảo chất lượng khá đầy đủ, hỗ trợ phục vụ cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường. Công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo được thực hiện định kỳ; các tồn tại được phát hiện đã được khắc phục, cải tiến. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được rà soát, có nhiều cải tiến liên quan đến hệ thống, nhân sự, quy định và công cụ; thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được sử dụng để phục vụ quá trình cải tiến chất lượng. Công nghệ thông tin được ứng dụng trong việc thu thập thông tin và quản lý dữ liệu đảm bảo chất lượng. Hoạt động cải tiến chất lượng được chú trọng thông qua phân tích và đối sánh trong quá trình tự đánh giá, đánh giá ngoài và tham gia các bảng xếp hạng.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai; kết quả tuyển sinh khá ổn định và có sự gia tăng. Hoạt động mở mới, rà soát chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định và tiếp cận theo CDIO đối với trình độ đại học. Triết lý giáo dục được chuyển tải vào các chương trình đào tạo và có các hoạt động cụ thể để đạt được triết lý giáo dục. Hoạt động dạy/học phong phú, đa dạng; hoạt động dạy học theo hình thức dự án được thực hiện xuyên suốt giúp người học đạt chuẩn đầu ra theo định hướng CDIO. Hệ thống các phương pháp kiểm tra – đánh giá đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra. Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát học tập, rèn luyện đối với người học khá hiệu quả. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập với các chính sách và hệ thống KPIs phù hợp. Kết quả hợp tác trong nghiên cứu khoa học góp phần hỗ trợ đổi mới sáng tạo và mang lại nguồn thu cho Trường, đáp ứng mục tiêu đề ra.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý kết quả học tập, rèn luyện của người học được xây dựng, được hỗ trợ bởi phần mềm giúp theo dõi, giám sát tỉ lệ người học tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp theo từng khoá học và trình độ đào tạo. Chất lượng sinh viên tốt nghiệp được đánh giá cao. Loại hình và khối lượng nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên và người học được xác lập được; kết quả nghiên cứu khoa học gia tăng về số lượng và chất lượng, nhiều đề tài có tiềm năng ứng dụng. Các loại hình tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội đã được ghi nhận, đánh giá cao của các bên liên quan. Các chỉ số tài chính và chỉ số thị trường bước đầu được xác lập, giám sát, đối sánh cải tiến chất lượng, đáp ứng sứ mạng và tầm nhìn của Trường.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

(1) Khẩn trương ban hành Chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2030 đồng bộ với sứ mạng và tầm nhìn mới. Quan tâm xây dựng các chỉ số, lượng hóa, đánh giá kết quả và hiệu quả tác động của các giá trị cốt lõi, kết hợp công bố tại các sự kiện của các bên liên quan để tăng tính thuyết phục và truyền cảm hứng.

(2) Khẩn trương ban hành Quy chế Tài chính; tăng cường hoạt động giám sát của hệ thống quản trị đối với việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, nghị quyết đã ban hành. Tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa Hội đồng trường và Ban giám hiệu, cùng kiến tạo, thúc đẩy cho sự đổi mới thông qua một số giải pháp đi trước, đón đầu đồng bộ với lộ trình phát triển chung.

(3) Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến, quảng bá hình ảnh, thương hiệu của cơ sở giáo dục, trong đó có nội dung tuyên truyền, phổ biến tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đến các bên liên quan bên ngoài; tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về nội dung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục. Xây dựng quy trình, hướng dẫn rà soát định kỳ và giám sát cải tiến trên cơ sở đánh giá, điều tra khảo sát xã hội về tính hiệu quả việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các thành phần trong bộ máy quản lý theo KPIs và năng lực quản trị, điều tra về mức độ hài lòng của các bên liên quan. Sau mỗi lần rà soát, cần xây dựng báo cáo tổng kết, phân tích, đánh giá để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao tính hiệu quả của bộ máy cũng như các văn

bản điều hành, chỉ đạo, triển khai công tác của cơ sở giáo dục. Phân tích cơ cấu lãnh đạo, quản lý trước và sau rà soát, điều chỉnh để thấy rõ hoạt động cải tiến cơ cấu tổ chức dựa trên kết quả rà soát, đánh giá.

(4) Ban hành hướng dẫn và triển khai việc xây dựng các chiến lược thành phần, kế hoạch ngắn hạn, quy trình rà soát, đánh giá mức độ thực hiện các KPIs; thực hiện đối sánh trong nước và quốc tế; có kế hoạch phát triển để sớm trở thành một think-tank lớn có khả năng tư vấn chính sách quốc gia/quốc tế trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, nghiên cứu cơ bản và phát triển nông nghiệp nông thôn, góp phần thực hiện khát vọng xây dựng một Việt Nam phồn vinh; bổ sung các biện pháp quản trị rủi ro, xác định nguồn lực (nhất là tài chính) thực hiện nhằm đảm bảo tính khả thi cho các kế hoạch; xây dựng một logframe cho việc thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển; nghiên cứu việc áp dụng “Thẻ điểm cân bằng” (BSC) và phương pháp “Hoshin Kanri” trong xây dựng và thực hiện chiến lược; sử dụng lợi thế về ứng dụng công nghệ thông tin để kết nối chặt chẽ giữa các KPIs của chiến lược phát triển với kế hoạch của Trường. Lập quy trình theo dõi, giám sát đầy đủ việc thực hiện các KPIs trong kế hoạch chiến lược, đối sánh và công khai trong các báo cáo tổng kết hàng năm, kế hoạch công tác năm của Nhà trường và kế hoạch năm học của các đơn vị.

(5) Cần: (i) Nâng cao hiệu quả việc xây dựng chính sách qua việc ban hành và áp dụng các bản hướng dẫn, tập huấn về việc xây dựng các chính sách, và có kế hoạch triển khai tập huấn về việc xây dựng chính sách một cách đầy đủ. (ii) Xây dựng quy trình, hướng dẫn, tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả xã hội của các chính sách đang được thực hiện. Tiến hành điều tra sự phản hồi của các bên liên quan đến chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong quá trình thực hiện, và sau cải tiến. (iii) Nên bổ sung một số chính sách cốt lõi được nêu trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, một số nội dung có tính nguyên tắc chỉ đạo các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng như: tự do học thuật, quy tắc đạo đức nhà giáo trong đào tạo, xử lý xung đột lợi ích trong nghiên cứu khoa học, xây dựng hình mẫu công dân tích cực trong phục vụ cộng đồng.

(6) Cần có các giải pháp đột phá, đủ mạnh nhằm thu hút, giữ chân người tài, thu hút được các nhà khoa học đầu đàn, đầu ngành về công tác tại Trường, đáp ứng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Có quy định tỷ lệ ngân sách trong cơ cấu thu chi tài chính trong Quy chế chi tiêu nội bộ cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ. Ngoài ra, cần xây dựng và ban hành hệ thống KPIs nhằm đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên một cách khoa học, khách quan, minh bạch trong đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên, nhân viên; thường xuyên lấy ý kiến các bên liên quan về các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực nhằm phát hiện ra những vấn đề chưa phù hợp, nhằm rà soát, cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình, quy hoạch nguồn nhân lực, thực hiện Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2045.

(7) Có giải pháp đột phá và chú trọng nhiều hơn đến việc đa dạng hóa nguồn thu, giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, tăng nguồn thu từ liên kết đào tạo quốc tế, hoạt động bồi dưỡng ngắn hạn, hoạt động khoa học công nghệ, trong đó có tăng nguồn thu từ tư vấn, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế và hợp tác với doanh nghiệp trong khoa học công nghệ. Sớm hoàn thiện các dự án xây dựng tại trụ sở chính và cơ sở 2 để hoàn thiện cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ; tăng cường trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy nhanh tiến độ công tác chuyển đổi số nâng cao chất lượng đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực công nghệ thông tin, đồng bộ hóa các phần mềm, theo mô hình đại học thông minh, đại học

số hóa nhằm thực hiện được Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2022- 2025 và tầm nhìn 2045. Đẩy mạnh số hóa các nguồn học liệu của Trung tâm Thông tin - Thư viện, bổ sung đầy đủ các giáo trình, tài liệu tham khảo vào các đề cương học phần, cũng như các học liệu tham khảo bằng tiếng Anh, v.v. nhằm phục vụ tốt hơn nữa hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, cần xây dựng quy trình đánh giá hiệu quả các hạng mục đầu tư, mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động này trong thời gian tới, thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược.

(8) Sớm xây dựng kế hoạch tổng thể và dài hạn để phát triển các đối tác, các mạng lưới và các quan hệ đối ngoại đáp ứng các yêu cầu mới đang đặt ra liên quan đến đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Nghiên cứu và phát triển các đối tác, các mạng lưới và quan hệ đối ngoại, kết nối với quan hệ đối ngoại trong nước đảm bảo xây dựng được mối quan hệ đa phương, nhiều chiều với các môi trường trong nước và môi trường quốc tế của Trường. Thực hiện các chính sách, thủ tục, quy trình để phát triển đồng bộ các đối tác, mạng lưới, quan hệ đối ngoại chiến lược. Xây dựng kế hoạch và quy định tổng thể, toàn diện, thống nhất trong toàn Trường về rà soát các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại đảm bảo việc rà soát được thực hiện trong quá trình diễn ra các hoạt động đối ngoại; xây dựng và ban hành KPIs để rà soát các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại.

(9) Rà soát, điều chỉnh các quy định về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Đảm bảo chất lượng đảm bảo phân tách rõ ràng chức năng tư vấn với chức năng quản trị của Hội đồng trường và đơn vị chuyên trách đảm bảo chất lượng trong việc thực hành đảm bảo chất lượng. Cần có đánh giá về vai trò và tính hiệu quả của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh, thể hiện mối liên hệ/những đóng góp cho hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Trường. Nghiên cứu xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng hằng năm với hệ thống các chỉ số cốt lõi và KPIs để quản trị theo mục tiêu. Ngoài ra, cần thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể một cách bài bản quy trình lập kế hoạch, tham chiếu các chủ trương, quy định có liên quan nhằm thiết lập các mục tiêu/chỉ số thực hiện chính để hướng đến đạt được các mục tiêu chiến lược và sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phù hợp với bối cảnh kinh tế, xã hội của địa phương và của cả nước.

(10) Nên có các hướng dẫn, thực hiện các thỏa thuận hợp tác chia sẻ thông tin với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước mà Trường có quan hệ hợp tác để có thêm các thông tin so chuẩn và đối sánh phục vụ cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho thành viên Hội đồng Tự đánh giá, mạng lưới đảm bảo chất lượng của Trường về ý nghĩa của các chỉ số kết quả đầu ra của cơ sở giáo dục (chỉ số thị trường) để chủ động thu thập số liệu, so chuẩn và đối sánh làm căn cứ cải tiến chất lượng các hoạt động của Trường. Cập nhật hệ thống thu thập thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, phân tích kết quả để có các thông tin hữu ích phục vụ cải tiến chất lượng, bao gồm cách thức thu thập dữ liệu, xử lý và trích xuất dữ liệu. Việc xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo cần cụ thể hơn để có căn cứ triển khai thực hiện, đồng thời tổng kết, đánh giá để lan tỏa, chia sẻ các thực hành tốt trong đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo.

(11) Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Dự án xây dựng Hệ thống quản lý thông tin, sớm đưa vào sử dụng các phân hệ (phần mềm) có các tính năng phục vụ các hoạt động khảo sát, quản lý, liên thông dữ liệu để sẵn sàng trích xuất các dữ liệu/ thông tin đảm bảo chất lượng bên trong phục vụ công tác quản lý, quản trị Nhà

trường. Cập nhật hệ thống các quy định có liên quan đảm bảo đồng bộ với chức năng, nhiệm vụ của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, trong đó có một đơn vị đầu mối là Trung tâm đảm bảo chất lượng và các đơn vị tham gia phối hợp là mạng lưới đảm bảo chất lượng để đảm bảo thống nhất trong việc thực hiện các khảo sát, công cụ khảo sát, phân tích, xử lý số liệu đảm bảo thống nhất và sẵn có để phục vụ hiệu quả cho công tác quản trị, quản lý của Trường, đáp ứng mô hình đại học số, đại học thông minh mà Trường đang hướng đến. Ngoài ra, nên có quy định cụ thể về bảo mật, an toàn thông tin, dữ liệu, sao lưu dữ liệu và cung cấp thông tin.

(12) Cần rà soát một cách tổng thể để điều chỉnh chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục về phát triển chương trình đào tạo... đảm bảo cập nhật các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hơn nữa trong việc quản trị nội bộ nhằm hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Nghiên cứu xây dựng các chỉ số KPIs để đánh giá và triển khai đối sánh theo các tiêu chí đã xác định cho tất cả lĩnh vực nhằm hỗ trợ quá trình cải tiến chất lượng. Kết quả so chuẩn đối sánh nên được tiến hành ở cả cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo để sử dụng hiệu quả các bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và bộ tiêu chí xếp hạng quốc tế. Ngoài ra, cần tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện các quy định về so chuẩn đối sánh trong hoạt động đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo để trên cơ sở đó có căn cứ đánh giá hiệu quả, cải tiến chất lượng.

(13) Cần quy hoạch lại các chương trình đào tạo ở các trình độ và loại hình đào tạo để đảm bảo có sự cân bằng giữa các việc thực hiện sứ mệnh, tầm nhìn, thế mạnh và năng lực tuyển sinh của mỗi chương trình đào tạo để hướng tới sự phát triển bền vững, liên tục. Để làm được việc này Trường cần phải chú trọng không chỉ nhu cầu của người sử dụng lao động hiện tại mà còn phải cân nhắc đến dịch chuyển của giới trẻ trong việc chọn lựa nghề nghiệp. Cần có các chính sách, kế hoạch thanh tra/giám sát phù hợp với công tác tuyển sinh của các loại hình đào tạo của Trường, đặc biệt của hệ vừa học vừa làm có đặc thù là tuyển sinh liên tục, hàng tháng. Ngoài ra, cân nhắc cải tiến chất lượng người học bên cạnh số lượng tổng số người học theo học trong các chương trình đào tạo của Trường. Để thực hiện việc này, có thể đánh giá sự tương quan giữa kết quả tuyển sinh và kết quả học tập, kết quả đầu ra để có thể cải tiến các phương thức, tiêu chí chọn lựa người học phù hợp hơn.

(14) Khẩn trương có kế hoạch và triển khai rà soát việc xây dựng, ban hành và phổ biến chuẩn đầu ra của tất cả các học phần tới người học, nhất là đối với các chương trình đào tạo sau đại học. Cần phải cụ thể hóa chuẩn đầu ra chuyên biệt cần thiết cho các học phần có tên gọi chung nhưng triển khai cho các đối tượng cụ thể rất khác nhau. Chương trình dạy học của tất cả các chương trình đào tạo cũng cần được rà soát và điều chỉnh một cách định kỳ, khoa học, nhất là với các chương trình đào tạo sau đại học.

(15) Rà soát việc cập nhật đề cương chi tiết của tất cả các học phần, xác định rõ ràng chuẩn đầu ra của học phần tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình dạy học, từ đó xác định được các hoạt động dạy/học phù hợp với triết lý giáo dục và hỗ trợ người học đạt chuẩn đầu ra của từng học phần cũng như của cả chương trình đào tạo. Đội ngũ giảng viên của các chương trình đào tạo có số lượng người học lớn cũng cần được rà soát và bồi dưỡng nâng cao năng lực để đảm bảo chất lượng đào tạo. Triển khai giám sát hoạt động dạy và học toàn diện, đồng bộ hơn với người học, người dạy ở tất cả các loại hình, trình độ đào tạo ở từng môi trường học tập, thực tập, thực tế.

(16) Khẩn trương rà soát công tác xây dựng các đề cương học phần, trong đó có rubrics để kiểm tra mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần với các phương pháp kiểm tra - đánh giá tương ứng ở tất cả các chương trình đào tạo ở các loại hình, cấp độ đào tạo khác nhau. Rà soát ma trận đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra ở tất cả các chương trình đào tạo để việc xây dựng, vận hành các chương trình đào tạo được thực sự khoa học và có hệ thống. Định kỳ rà soát, đánh giá giá độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình/phương pháp kiểm tra, đánh giá một cách khoa học, hệ thống để kiểm chứng lại những loại hình/phương pháp này có phù hợp với các yêu cầu mới của các bên liên quan cũng như các hoạt động dạy/học được liên tục đổi mới.

(17) Nghiên cứu đổi mới “hệ thống giám sát người học” thành “hệ thống giám sát phục vụ và hỗ trợ” để KHÔNG giám sát người học mà giám sát quá trình, kết quả, hiệu quả phục vụ và hỗ trợ đối với người học. Cần xây dựng các quy định đảm bảo tính hệ thống và thống nhất đối với các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; cần xây dựng và ban hành bộ tiêu chí (KPIs) để xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch và giám sát, đánh giá khách quan, chính xác, kịp thời đối với hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, quan tâm nghiên cứu xây dựng hệ thống kết nối trực tuyến với sinh viên trong thời gian học tập tại Trường và sau khi tốt nghiệp để phục vụ, hỗ trợ trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ và hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trong toàn Trường, nhất là đội ngũ nhân lực trực tiếp liên quan đến người học. Ngoài ra, cần tăng đầu tư kinh phí cho các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học bao gồm cả người học là các học viên cao học, nghiên cứu sinh.

(18) Thường xuyên rà soát, đánh giá có phân tích, đối sánh kết quả đạt được để điều chỉnh, hoàn thiện các chỉ tiêu, chỉ số thực hiện chính trong kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm phù hợp với Chiến lược phát triển Trường trong giai đoạn mới; tăng cường huy động và đầu tư các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, thu sự nghiệp, từ địa phương, các đối tác doanh nghiệp, cơ sở giáo dục để nâng cao năng lực khoa học công nghệ, mở rộng quan hệ với các đối tác trong nước và quốc tế, đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học để phát triển các hướng nghiên cứu mũi nhọn phù hợp với nội lực và yêu cầu của địa phương. Ngoài ra, cần hoàn thiện công tác quản trị hoạt động khoa học công nghệ theo hướng hệ thống và số hóa với cơ sở dữ liệu tổng hợp và cập nhật; bổ sung và cập nhật các văn bản quản lý cho phù hợp với thực tiễn hoạt động khoa học công nghệ, trong đó nên xây dựng hệ thống KPIs bám sát vào chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học và nhu cầu của thị trường cũng như năng lực của Trường; tăng cường khai thác các nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu và phát triển của các tổ chức kinh tế - xã hội, doanh nghiệp, đặc biệt là quỹ nghiên cứu khoa học của các tổ chức doanh nghiệp được trích lập theo Thông tư 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC.

(19) Xây dựng kế hoạch, định kỳ tổng kết, rà soát, đánh giá chuyên sâu về công tác quản lý tài sản trí tuệ để có kế hoạch và biện pháp cải tiến cụ thể hơn; xây dựng các KPIs về tài sản trí tuệ và đảm bảo sự kết nối chặt chẽ các KPIs từ Chiến lược phát triển đến kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm. Quan tâm việc số hóa tài sản trí tuệ để tiện lợi cho công tác quản lý, tìm kiếm và tiếp cận thông tin. Ngoài ra, cần chú trọng phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học tạo ra sản phẩm có thể thương mại hóa; xây dựng chính sách hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm này.

(20) Rà soát, cập nhật bộ tiêu chí đánh giá các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học, trong đó nhấn mạnh trọng số về tính hiệu quả hợp tác và sự thúc đẩy nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học; có định hướng và chính sách phát triển quan hệ hợp tác cả

chiều rộng và chiều sâu, thu hút đội ngũ chuyên gia có uy tín chuyên môn cao trong và ngoài nước. Đồng thời, xây dựng các tiêu chí lựa chọn và phân nhóm các đối tác hợp tác; chú trọng các đối tác có thế mạnh trong các lĩnh vực có liên quan của Nhà trường; chú trọng thúc đẩy các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác là các trường/viện có thế mạnh, theo định hướng có các sản phẩm nghiên cứu khoa học là kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học giữa các bên nhằm đáp ứng mục tiêu nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

(21) Cần tuyên truyền đổi mới sáng tạo đối với các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và kinh tế thị trường; nên có đầu mối chuyên trách, chuyên nghiệp về quản lý và phát triển các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng. Có kế hoạch khuyến khích phát triển các kết nối, phục vụ cộng đồng theo hướng chuyển từ các mô hình ứng phó sang mô hình chiến lược đảm bảo tạo dựng các cơ hội tham gia có hiệu quả, có trách nhiệm xã hội của toàn thể đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động và người học đối với kết nối và phục vụ cộng đồng trong Trường và cộng đồng ngoài Trường. Đồng thời, xây dựng hệ thống đo lường, giám sát theo hướng chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và chuyên nghiệp trong phạm vi toàn Trường để có thể cải tiến tổng thể, liên tục đối với chất lượng và hiệu quả kết nối, phục vụ cộng đồng. Trong ngắn hạn, cần xây dựng các KPIs và chỉ số giám sát, đánh giá công tác này, bao gồm thu thập được các thông tin phản hồi về mức độ hài lòng và lợi ích của các nhóm đại diện cho tất cả các bên liên quan làm căn cứ, bằng chứng khoa học để cải tiến các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

(22) Tiếp tục tìm các giải pháp tối ưu để hạn chế thấp nhất tỷ lệ sinh viên bị cảnh báo học tập và buộc thôi học, đặc biệt các ngành khối kỹ thuật, công nghệ; có phương án tư vấn tâm lý và tăng cường hỗ trợ, giám sát của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, kết hợp thông tin liên lạc giữa Nhà trường và gia đình của các sinh viên có nguy cơ hoặc bị cảnh báo lần thứ nhất; tiếp tục có giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ, lập thêm câu lạc bộ tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật để giúp hỗ trợ các điều kiện cho sinh viên sớm hoàn thành các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, giúp các sinh viên nợ môn, thiếu điều kiện cứng về chuẩn đầu ra chuẩn đầu ra có thể kịp thời nâng cao kiến thức, hoàn thành các điều kiện để tốt nghiệp đúng hạn. Khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng, doanh nghiệp ở nhiều tỉnh thành và cả nước nơi có sinh viên Nhà trường đến làm việc. Cần quản lý sau đại học một cách bài bản hơn bằng cách tích hợp vào phần mềm quản lý đào tạo chung của Trường; đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp với các trường trong và ngoài nước.

(23) Hoàn thiện các chính sách, kế hoạch hỗ trợ thêm việc đấu thầu đề tài các cấp; cần lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp và thường xuyên thực hiện đối sánh để xác lập mục tiêu, các chỉ số phấn đấu nhằm thực hiện được sứ mạng và tầm nhìn của mình; thực hiện đồng bộ đối sánh bên trong và bên ngoài cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và có các giải pháp đột phá và phù hợp để thúc đẩy đồng bộ hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học; đối sánh về ngân quỹ nghiên cứu khoa học của Nhà trường so với các cơ sở giáo dục khác; thúc đẩy các chương trình nghiên cứu tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu. Tăng cường huy động các nguồn lực tài chính cho nghiên cứu khoa học, trong đó có nguồn thu từ chuyển giao khoa học công nghệ; tăng cường công tác sở hữu trí tuệ của Nhà trường; xây dựng cơ sở dữ liệu mức độ hài lòng của các bên liên quan và đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học.

(24) Chú trọng triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức và

thay đổi thái độ, hành vi về kết nối và phục vụ cộng đồng đối với toàn thể đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người lao động và người học; đồng thời, cần truyền thông về mục tiêu, nhiệm vụ và các chương trình hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng đối với cộng đồng xã hội. Xây dựng và hoàn thiện các chính sách, các quy định, các tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo và thủ tục, quy trình đánh giá, đối sánh các kết quả, tác động và đóng góp xã hội của kết nối và phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, cần xây dựng và ban hành các chính sách, các quy định khuyến khích các đơn vị, các cá nhân thành viên của Trường tích cực, chủ động và đổi mới sáng tạo trong việc cải tiến các loại hình, số lượng, kết quả, tác động và đóng góp cho xã hội của kết nối và phục vụ cộng đồng; đầu tư phát triển đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp có năng lực đổi mới sáng tạo thực hiện việc giám sát, đối sánh và đề xuất các biện pháp cải tiến tổng thể, liên tục đảm bảo nâng cao chất lượng, hiệu quả của kết nối và phục vụ cộng đồng.

(25) Có giải pháp đột phá để đa dạng hóa nguồn thu nhằm thích ứng với sự thay đổi chính sách (giảm ngân sách nhà nước) và phương án tự chủ đến 2025. Tăng nguồn thu từ các chương trình đào tạo chất lượng cao, các chương trình theo nhu cầu xã hội, hoạt động liên kết quốc tế về đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ qua các đề tài/dự án trong và ngoài nước, trong đó có tư vấn, chuyên gia công nghệ; tăng chi cho khoa học công nghệ theo quy định. Xác định bằng văn bản các chỉ số của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng: chỉ số cạnh tranh, thị phần, thứ hạng, lựa chọn đối tác đối sánh theo tầm nhìn và xây dựng, ban hành các văn bản quy định hệ thống giám sát tổng thể kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, cần xây dựng lộ trình tham gia xếp hạng các trường đại học theo bảng xếp hạng trong và ngoài nước bên cạnh xếp hạng theo Webometrics và UPM nhằm thực hiện chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
